

Số **63** /SYT-KH

Quảng Ngãi, ngày 20 tháng 01 năm 2016

KẾ HOẠCH
PHÁT TRIỂN CÁC DỊCH VỤ Y TẾ
TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2016-2020

PHẦN I
CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ SỰ CẦN THIẾT ĐỂ
XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

I. Cơ sở pháp lý

- Luật bảo vệ sức khoẻ nhân dân ngày 30 tháng 6 năm 1989;
- Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 ngày 23/11/2009;
- Nghị quyết 46-NQ/TW, ngày 23/02/2005 của Bộ Chính trị ”về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân trong tình hình mới”;
- Nghị định số 87/2011/NĐ-CP ngày 27/9/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;
- Nghị định số 05/2000/NĐ-CP ngày 12/9/2000 của Chính phủ Về đẩy mạnh xã hội hoá các hoạt động giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao;
- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ Về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường;
- Quyết định số 30/2008/QĐ-TTg ngày 22/02/2008 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới khám, chữa bệnh đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;
- Quyết định số 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân giai đoạn 2011 - 2020, tầm nhìn đến năm 2030;
- Quyết định số 2052/QĐ-TTg ngày 10/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;
- Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 10/7/2009 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Phê duyệt Đề án xã hội hoá hoạt động y tế của tỉnh Quảng Ngãi;
- Quyết định số 283/QĐ-UBND ngày 11/12/2012 của UBND tỉnh Phê duyệt Quy hoạch phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020;
- Kế hoạch 1471/KH-UBND ngày 22/4/2014 của UBND tỉnh về việc thực hiện Quyết định 122/QĐ-TTg ngày 10/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ

và Chỉ thị 26-CT/TU ngày 14/11/2013 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2014-2020.

Thực hiện Công văn số 46/SCT-QLTM ngày 08/01/2016 của Sở Công thương V/v xây dựng đề án thúc đẩy phát triển du lịch, dịch vụ (lĩnh vực) theo Kế hoạch số 01-KH/TU của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ XIX, Sở Y tế xây dựng Kế hoạch phát triển dịch vụ y tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2020 với các nội dung chủ yếu sau:

II. Sự cần thiết xây dựng kế hoạch.

Quán triệt tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị tại Nghị quyết số 46-NQ/TW ngày 23/02/2005 về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, đã xác định “Sức khỏe là vốn quý nhất của mỗi con người và của toàn xã hội”. Bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân là hoạt động nhân đạo, trực tiếp bảo đảm nguồn nhân lực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Đảng và Nhà nước”. Đảm bảo cung cấp dịch vụ khám, chữa bệnh, hoàn thiện hệ thống chăm sóc sức khỏe nhân dân, đồng thời đầu tư và khai thác có hiệu quả các cơ sở y tế như bệnh viện các tuyến, trung tâm y tế dự phòng tuyến tỉnh, quận/huyện, hệ thống trạm y tế xã, phường, thị trấn và các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, kiểm nghiệm, dược và trang thiết bị hiện có tại địa phương, khu vực.

Với mục tiêu xây dựng, phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi, nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm với các tỉnh trong khu vực miền Trung và cả nước, đáp ứng nhu cầu khám, chữa bệnh của nhân dân hướng tới mục tiêu công bằng, hiệu quả và phát triển, phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025 và Quy hoạch phát triển hệ thống y tế và mạng lưới khám, chữa bệnh tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2020.

PHẦN II

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN MỘT SỐ DỊCH VỤ Y TẾ CHỦ YẾU TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2011-2015

I. Tình hình và kết quả thực hiện phát triển các dịch vụ y tế công lập

Từ năm 2010 đến nay, hệ thống y tế công lập của tỉnh Quảng Ngãi tương đối ổn định và được tổ chức, quản lý theo ngành từ tỉnh đến cơ sở. Hiện có, 17 đơn vị trực thuộc tuyến tỉnh, 21 đơn vị trực thuộc tuyến huyện, 3 phòng khám đa khoa khu vực và 1 bệnh xá thuộc huyện, 14 Trung tâm Dân số - Kế hoạch hóa gia đình tuyến huyện và 183 trạm y tế xã, phường, thị trấn (gọi tắt là xã). Ngoài

ra, còn có 14 Phòng Y tế trực thuộc UBND huyện, thành phố.

1. Y tế tuyến tỉnh:

Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Lao và Bệnh phổi tuy được thành lập và hoạt động kể từ tháng 12/2008, nhưng trong giai đoạn từ 2010 đến nay tiếp tục được đầu tư các nguồn lực, thành lập mới các khoa lâm sàng, đáp ứng được phần lớn nhu cầu chăm sóc, khám, chữa bệnh chuyên khoa Tâm thần, Lao cho nhân dân trên địa bàn tỉnh, giảm đáng kể tình trạng chuyển người bệnh thuộc các chuyên khoa này lên tuyến trên.

Tháng 2/2013, Trường Trung học Y tế được nâng cấp thành Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm trực thuộc UBND tỉnh quản lý. Năm 2014, đã tuyển sinh đào tạo hệ Cao đẳng Điều dưỡng hệ chính quy 3 năm. Năm 2015 tiếp tục tuyển sinh đào tạo Cao đẳng Dược, Cao đẳng hộ sinh hệ chính quy.

Tháng 6/2014, Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh được thành lập và đi vào hoạt động, với quy mô giai đoạn I là 50 giường bệnh. Bệnh viện Sản-Nhi đã khởi công xây dựng, dự kiến hoàn thành và đưa vào sử dụng năm 2017. Việc hình thành các bệnh viện chuyên khoa sẽ tạo điều kiện phát triển dịch vụ kỹ thuật chuyên sâu, góp phần giảm tải cho bệnh viện đa khoa (BVĐK) tỉnh, giảm tình trạng chuyển người bệnh lên tuyến trên.

Kể từ năm 2009, Công ty Dược - Vật tư y tế tỉnh ngừng hoạt động, tiến hành các thủ tục giải thể doanh nghiệp. Hầu hết các Đại lý thuộc mạng lưới cung ứng thuốc của Công ty cũng dần chuyển sang hoạt động cho các doanh nghiệp Dược phẩm ngoài công lập. Như vậy, hiện nay trên địa bàn tỉnh không còn cơ sở sản xuất và mạng lưới cung ứng thuốc công lập.

2. Y tế tuyến cơ sở:

Hiện có 2 mô hình tổ chức y tế tuyến huyện trên địa bàn tỉnh: Các huyện đồng bằng, có 04 đơn vị y tế (Bệnh viện đa khoa, Trung tâm Y tế dự phòng, Trung tâm Dân số - KHHGD, Phòng Y tế); các huyện miền núi, hải đảo có 03 đơn vị y tế (Trung tâm Y tế, Trung tâm Dân số - KHHGD, Phòng Y tế).

Từ năm 2010 đến nay, có 4 phòng khám đa khoa khu vực (Nghĩa Hà, Nghĩa Thắng - Tư Nghĩa; Đức Thắng - Mộ Đức; Sa Huỳnh - Đức Phổ) hoạt động không hiệu quả và đã được Sở Y tế, UBND huyện thống nhất giải thể nhằm tăng cường nguồn lực đầu tư cho các trạm y tế xã trên địa bàn đạt tiêu chí quốc gia về y tế. Đồng thời, đã xem xét thống nhất với UBND huyện Trà Bồng đầu tư xây dựng mới phòng khám đa khoa khu vực Trà Tân nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân các xã Trà Tân, Trà Bùi được chăm sóc sức khỏe ngày càng tốt hơn.

Toàn tỉnh hiện có 183 trạm y tế xã/184 xã; 100% thôn, bản, tổ dân phố có nhân viên y tế hoạt động; đã đào tạo, hình thành mạng lưới cơ sở thôn, bản tại các huyện miền núi. Riêng xã An Vĩnh chưa thành lập trạm y tế.

Hệ thống y tế công lập của tỉnh về cơ bản đã được củng cố, kiện toàn. Mạng lưới bệnh viện chuyên khoa tuyến tỉnh cũng đã dần hình thành và phát triển.

II. Phát triển Y tế ngoài công lập

Số lượng cơ sở hành nghề y, dược tư nhân trong thời gian qua tiếp tục được củng cố và phát triển theo quy định của pháp luật. Toàn tỉnh hiện có 1.140 cơ sở hành nghề y, dược tư nhân đang hoạt động, tăng 46,9% so với năm 2009, trong đó:

- Bệnh viện Mắt kỹ thuật cao tỉnh Quảng Ngãi (chính thức hoạt động tháng 7/2013), với quy mô 10 giường bệnh.
- Cơ sở hành nghề y tư nhân (phòng khám đa khoa, chuyên khoa): 234 cơ sở, tăng 17% so với năm 2009.
- Cơ sở hành nghề y - dược cổ truyền: 109 cơ sở, tăng 1% so với năm 2009.
- Cơ sở hành nghề dược tư nhân: 739 cơ sở, tăng 77,6% so với năm 2009.
- Cơ sở hành nghề trang thiết bị tư nhân: 04 cơ sở, tăng 300% so với năm

Phần III

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CÁC DỊCH VỤ Y TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2016-2020 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2025

I. Củng cố và phát triển hệ thống tổ chức y tế công lập từ tỉnh đến cơ sở

- Hoàn thiện hệ thống tổ chức y tế gồm y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh, phục hồi chức năng; giám định y khoa, pháp y, pháp y tâm thần; y dược cổ truyền; sức khỏe sinh sản; trang thiết bị y tế; dược; mỹ phẩm; an toàn thực phẩm; bảo hiểm y tế; dân số - kế hoạch hóa gia đình.

- Hoàn thiện và nâng cao năng lực hệ thống y tế dự phòng từ tỉnh đến cơ sở; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu. Đẩy mạnh hoạt động giám sát, phát hiện, khống chế dịch bệnh trong cộng đồng. Phát triển mạng lưới y tế học đường. Tăng cường các dịch vụ chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em, người cao tuổi, người nghèo và đối tượng chính sách.

- Hoàn thiện mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; củng cố, nâng cao năng lực hoạt động các bệnh viện tuyến tỉnh; sắp xếp các bệnh viện đa khoa tuyến huyện theo địa bàn cụm dân cư; mở rộng mạng lưới khám bệnh, chữa bệnh y học cổ truyền, mạng lưới các bệnh viện chuyên khoa. Củng cố và hoàn thiện cơ sở y tế kết hợp quân - dân y ở đảo Lý Sơn.

- Củng cố và hoàn thiện mạng lưới trạm y tế xã, trung tâm y tế huyện; bảo đảm 100% số xã có trạm y tế phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu khám chữa bệnh từng vùng; tăng cường đầu tư nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu; kết hợp hài hòa các hoạt động giữa các đơn vị y tế trong huyện; thực hiện tốt tiêu chí quốc gia về y tế xã giai đoạn 2011 - 2020; phát triển đội ngũ nhân viên y tế thôn, bản nhất là ở miền núi, vùng sâu,

vùng xa.

Đề nghị UBND tỉnh tập trung đầu tư xây dựng các công trình trong giai đoạn 2016-2020 (trừ các công trình chuyên tiếp) như sau: Ngoài các dự án chuyên tiếp từ giai đoạn 2011-2015, ưu tiên triển khai các dự án như sau:

- + Xây dựng Trung tâm Nội tiết tỉnh thành Bệnh viện Nội tiết với qui mô 50 giường.
- + Đầu tư phát triển Bệnh viện đa khoa tỉnh đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng I
- + Đầu tư phát triển Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng II
- + Đầu tư xây dựng mới Bệnh viện đa khoa huyện Sơn Tịnh.
- + Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế Quân – Dân Y kết hợp huyện Lý Sơn.
- + Xây dựng các trạm y tế xã.

II. Định hướng phát triển các dịch vụ y tế ngoài công lập

- Khuyến khích đầu tư thành lập các bệnh viện tư nhân và các loại hình y tế ngoài công lập. Đến năm 2020, có ít nhất 02 bệnh viện đa khoa và 01 bệnh viện chuyên khoa tư nhân/cổ phần.

- Khuyến khích đầu tư thành lập các phòng khám đa khoa, chuyên khoa, các công ty sản xuất, kinh doanh thuốc, trang thiết bị. Cụ thể theo bảng sau:

TT	Loại hình hành nghề y tế tư nhân	Có đến năm 2009	Có đến năm 2015	Tăng, giảm		Kế hoạch đến năm 2020
				Số lượng	%	
	Tổng số	776	1.140	364	146,91	1.436
I	Cơ sở hành nghề y tế tư nhân	251	288	37	114,74	406
1	Bệnh viện đa khoa	0				2
2	Bệnh viện chuyên khoa	0	1	1		1
3	Trung tâm chẩn đoán y khoa	0		0		
4	Phòng khám đa khoa	3	3	0	100,00	5
5	Nhà Hộ sinh	1		-1	-	
6	Phòng khám chuyên khoa	174	204	30	117,24	304
	Trong đó:			0		
	6.1. PK Chuyên khoa nội tổng hợp, chuyên khoa hệ nội	94	84	-10	89,36	150
	6.2. PK Chuyên khoa ngoại	24	12	-12	50,00	24
	6.3. PK Chuyên khoa phụ sản-KHHGD	15	29	14	193,33	30
	6.4. PK Răng Hàm Mặt	10	27	17	270,00	25

TT	Loại hình hành nghề y tế tư nhân	Có đến năm 2009	Có đến năm 2015	Tăng, giảm		Kế hoạch đến năm 2020
				Số lượng	%	
	6.5. PK Tai Mũi Họng	8	3	-5	37,50	10
	6.6. PK Mắt	4	9	5	225,00	12
	6.7. PK Da liễu	3	5	2	166,67	7
	6.8. PK Chuyên khoa giải phẫu thẩm mỹ	0		0		2
	6.9. PK Chuyên khoa giải phẫu bệnh	1	1	0	100,00	2
	6.10. PK Chuyên khoa điều dưỡng, PHCN	0	1	1		2
	6.11. PK.Chuyên khoa chẩn đoán hình ảnh	9	8	-1	88,89	10
	6.12. Phòng Xét nghiệm Sinh hoá, vi trùng, huyết học	6	25	19	416,67	30
7	Các cơ sở dịch vụ y tế	73	80	7	109,59	94
	Trong đó:					
	7.1. Trung tâm (dịch vụ) vận chuyển người bệnh cấp cứu	0	2	2		4
	7.2. Cơ sở dịch vụ làm răng giả	38	33	-5	86,84	30
	7.3. Cơ sở dịch vụ tiêm chích, thay băng	35	44	9	125,71	50
	7.4. Cơ sở dịch vụ CSSK tại nhà (bác sĩ gia đình)	0	1	1		10
II	Cơ sở hành nghề y-dược cổ truyền	108	109	1	100,93	127
1	Bệnh viện y học cổ truyền					
2	Phòng chẩn trị y học cổ truyền	108	105	-3	97,22	120
3	Cơ sở dịch vụ điều trị, điều dưỡng, phục hồi chức năng	0	1	1		2
4	Cơ sở kinh doanh thuốc y học cổ truyền	0	3	3		5
III	Cơ sở hành nghề dược tư nhân	416	739	323	177,64	897
1	Công ty TNHH kinh doanh thuốc chữa bệnh.	5	13	8	260,00	15
2	Nhà thuốc	56	72	16	128,57	80
3	Đại lý	339	199	-140	58,70	300
4	Quầy thuốc trực thuộc doanh nghiệp	16	455	439	2.843,8	500
5	Hành nghề vac xin, sinh phẩm y tế	0		0		2
6	Đại lý cung cấp vac xin, sinh phẩm y tế	0		0		2
IV	Công ty TNHH, CP Thiết bị y tế	1	4	3	400,00	6

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền:

Tổ chức quán triệt trong các cấp uỷ đảng, chính quyền và đoàn thể về tầm quan trọng của công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khoẻ nhân dân; đưa nội dung công tác bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng địa phương và kế hoạch hoạt động của các ngành.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chủ trương xã hội hoá công tác y tế trong các tầng lớp nhân dân; làm cho mỗi cán bộ, viên chức nhà nước và người dân nhận thức rõ mục tiêu của xã hội hoá công tác y tế là nhằm phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội tham gia bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, trong đó hệ thống y tế công lập giữ vai trò chủ đạo.

2. Đảm bảo cơ chế, chính sách khuyến khích của Nhà nước đối với các hoạt động xã hội hoá y tế:

Các cá nhân, tổ chức tham gia vào các hoạt động xã hội hoá y tế được hưởng chính sách khuyến khích, ưu đãi về đất đai, thuế, tài chính, tín dụng theo quy định tại Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ và Thông tư số 135/2008/TT-BTC ngày 31/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hoá đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường; Quyết định số 42/QĐ-UBND ngày 24/8/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Ban hành quy định về một số chính sách khuyến khích thực hiện xã hội hoá thuộc lĩnh vực giáo dục-đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể dục thể thao, môi trường và giám định tư pháp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

3. Huy động các nguồn lực nâng cao năng lực hệ thống y tế công lập:

UBND tỉnh tiếp tục tăng đầu tư cho sự nghiệp y tế, trong đó ngân sách đảm bảo cho y tế công cộng và chăm sóc sức khoẻ cho các đối tượng chính sách, người nghèo và trẻ em dưới 6 tuổi, ưu tiên tập trung cho y tế dự phòng, y tế cơ sở, đặc biệt là những vùng khó khăn ít có khả năng thu hút đầu tư. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho các trạm y tế theo chuẩn quốc gia, góp phần hoàn thiện mạng lưới y tế cơ sở. Xây dựng và phát triển hệ thống y tế của tỉnh theo Quyết định số 153/2006/QĐ-TTg ngày 30 tháng 6 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế Việt Nam giai đoạn đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

Khuyến khích các cơ sở y tế công lập huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước; hợp tác và liên kết với các doanh nghiệp, cá nhân để đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, nâng cấp trang thiết bị và cung cấp các dịch vụ y tế phù hợp với quy hoạch mạng lưới y tế của tỉnh. Khuyến khích tư nhân đầu tư vào một số dịch vụ phụ trợ tại các bệnh viện công của tỉnh và huyện như: Dịch vụ tiệt trùng, giặt là, ăn uống, xây dựng nhà để xe, dịch vụ làm vệ sinh, nhà trọ cho bệnh nhân; Dịch vụ vận chuyển cấp cứu, bảo vệ.

4. Phát huy quyền tự chủ của các đơn vị sự nghiệp y tế:

Các đơn vị sự nghiệp y tế tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25 tháng 4 năm 2006 của Chính phủ về “Quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, biên chế và tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Từng bước chuyển các bệnh viện công lập sang hoạt động theo cơ chế tự chủ cung ứng dịch vụ công ích, không bao cấp tràn lan và không nhằm lợi nhuận; thực hiện việc phân cấp cho các cơ sở y tế theo hướng giao quyền tự chủ đầy đủ về tổ chức và quản lý; thực hiện đúng mục tiêu và nhiệm vụ; hạch toán đầy đủ chi phí, cân đối thu chi nhằm phát huy tối đa tiềm năng của các đơn vị, nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ; bảo đảm quyền lợi và cơ hội tiếp cận bình đẳng của nhân dân đối với các dịch vụ bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe.

Khuyến khích các cơ sở y tế công lập liên kết với các cá nhân, doanh nghiệp để đầu tư các trang thiết bị y tế tiên tiến, hiện đại, phục vụ nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh cho nhân dân; khuyến khích phát triển mô hình huy động vốn từ cán bộ nhân viên các đơn vị y tế (dưới dạng cổ đông) và từ quỹ phúc lợi của các đơn vị có điều kiện (tương tự như vốn cổ đông của cán bộ, nhân viên) để đầu tư thiết bị y tế, các phương tiện phục vụ chăm sóc bệnh nhân.

Xã hội hoá hoạt động trạm y tế xã, phường theo hướng liên kết đầu tư trang thiết bị y tế và dịch vụ y tế (siêu âm, điện tim, dịch vụ hộ sinh, y học cổ truyền); triển khai mô hình bác sĩ gia đình.

5. Phát triển mạng lưới y tế ngoài công lập:

Khuyến khích phát triển các loại hình y tế ngoài công lập, gồm cơ sở khám, chữa bệnh như bệnh viện đa khoa tư nhân với quy mô từ 10-31 giường trở lên, bệnh viện chuyên khoa tư nhân với quy mô từ 21 giường trở lên; trung tâm chẩn đoán y khoa, trung tâm vận chuyển cấp cứu. Tại các địa bàn kinh tế-xã hội đặt biệt khó khăn và địa bàn kinh tế-xã hội khó khăn khuyến khích, ưu đãi phát triển các loại hình phòng khám đa khoa (có từ 8-10 giường lưu trở lên), phòng khám chuyên khoa, phòng chẩn trị y học cổ truyền, bác sĩ gia đình, trung tâm tư vấn sức khỏe và kế hoạch hoá gia đình.

Hình thành và phát triển cơ sở y tế dự phòng (tiêm chủng phòng bệnh, phun hoá chất diệt khuẩn, tư vấn vệ sinh môi trường, thông tin và giáo dục sức khỏe); cơ sở cung cấp dịch vụ xét nghiệm, kiểm nghiệm vệ sinh an toàn thực phẩm, thuốc và mỹ phẩm.

Khuyến khích các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài tham gia hoạt động từ thiện; tăng cường vận động cho Quỹ khám chữa bệnh người nghèo, vừa để giải quyết mua Thẻ bảo hiểm y tế cho người nghèo, vừa tạo điều kiện hỗ trợ cho những người có hoàn cảnh khó khăn khi mắc phải các bệnh hiểm nghèo chữa bệnh.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước đối với các hoạt động trong lĩnh vực xã hội hoá y tế.

6. Phát triển bảo hiểm y tế toàn dân:

Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác khám chữa BHYT tại các cơ sở y tế, nhất là tuyến huyện, xã; đảm bảo nhân lực, trang thiết bị, cơ sở hạ tầng đi đôi với việc phát triển, ứng dụng các kỹ thuật y tế tiên tiến, hiện đại, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế một cách công bằng.

Phát triển nhanh BHYT học sinh, sinh viên; BHYT cho trẻ em dưới 6 tuổi và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật.

Cơ sở y tế ngoài công lập có đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước về y tế được phép tổ chức KCB/BHYT.

7. Phát triển nguồn nhân lực:

Tổ chức thực hiện có hiệu quả Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực y tế gồm các nội dung về chính sách đào tạo (chính quy, cử tuyển, liên thông, nâng cao), bồi dưỡng, thu hút, sử dụng nguồn nhân lực y tế phù hợp với từng tuyến chuyên môn kỹ thuật và từng lĩnh vực chuyên ngành, chú trọng đến tuyến y tế cơ sở, đặc biệt là khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa. Ưu tiên phát triển nhân lực thuộc chuyên ngành Nhi, Y học cổ truyền, Y học dự phòng cho các tuyến y tế và nhân lực có trình độ chuyên khoa sâu cho tuyến tỉnh.

Thực hiện việc điều động, luân chuyển cán bộ có trình độ bác sĩ về công tác tại các trạm y tế xã, đảm bảo 100% trạm y tế xã có bác sĩ vào năm 2015.

Thực hiện chính sách bình đẳng giữa khu vực y tế công lập và ngoài công lập về thi đua khen thưởng, về công nhận các danh hiệu nhà nước, về chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, chế độ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh của toàn bộ hệ thống y tế trong quá trình thực hiện nhiệm vụ xã hội hóa y tế trên địa bàn tỉnh.

8. Tăng cường quản lý Nhà nước về y tế:

Hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân, tổ chức đầu tư nguồn lực vào lĩnh vực y tế theo đúng các quy định của Nhà nước về xã hội hoá y tế. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động liên quan đến lĩnh vực y tế trên địa bàn tỉnh. Kịp thời động viên, khen thưởng các cá nhân, tổ chức có nhiều thành tích xuất sắc; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật trong lĩnh vực y tế nói chung và xã hội hoá y tế nói riêng.

Tăng cường giáo dục y đức cho đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế, nâng cao tinh thần thái độ phục vụ người bệnh ở tất cả các cơ sở khám, chữa bệnh; gắn việc rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, trau dồi chuyên môn của cán bộ, nhân viên y tế với cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh.

Nơi nhận: *Abuy*

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở Công Thương;
- Giám đốc, PGĐ Sở Y tế;
- CVP Sở Y tế;
- Lưu: VT, KHTH.

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Tấn Đức
Nguyễn Tấn Đức

